

KẾ HOẠCH

Cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch giai đoạn 2018 - 2020 tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Quyết định số 1566/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Quốc gia đảm bảo cấp nước an toàn giai đoạn 2016 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 2502/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch giai đoạn năm 2018 - 2020, như sau:

A. VỀ KẾ HOẠCH CẤP NƯỚC AN TOÀN GIAI ĐOẠN 2018-2020

I. Mục tiêu tổng quát

1. Định hướng phát triển cấp nước đô thị, khu công nghiệp và nông thôn phục vụ nhu cầu thiết yếu của con người và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trên cơ sở đó đề ra các giải pháp cụ thể có tính đến biến đổi khí hậu nhằm cấp nước ổn định, chất lượng bảo đảm, dịch vụ tốt đáp ứng cho các nhu cầu sử dụng nước theo từng giai đoạn.

2. Thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn nhằm quản lý rủi ro và khắc phục sự cố có thể xảy ra từ nguồn nước, cơ sở xử lý nước và hệ thống truyền dẫn, phân phối nước đến khách hàng sử dụng; bảo đảm cung cấp nước liên tục, đủ lượng nước, duy trì đủ áp lực, chất lượng nước đạt quy định góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ sức khỏe con người.

II. Mục tiêu cụ thể và các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2020

1. Tỷ lệ bao phủ dịch vụ cấp nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung tại các đô thị từ loại V trở lên đạt 98%; 95% dân cư nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; các khu công nghiệp được cấp nước đầy đủ theo yêu cầu áp lực và lưu lượng, với tiêu chuẩn cấp nước cụ thể như sau:

a) Thành phố Tuyên Quang: 150 lít/người.ngày đêm.

b) Đối với các đô thị loại IV, V và vùng ven đô thị: 120 lít/người.ngày đêm.

c) Đối với vùng dân cư nông thôn: 80 lít/người.ngày đêm.

2. Tỷ lệ cấp nước khu vực đô thị được lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đạt 45%.

3. Tỷ lệ cấp nước khu vực nông thôn được lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đạt 35%.

4. Tỷ lệ dân số được cung cấp nước sạch theo tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT của Bộ Y tế đạt >90%, cung cấp nước sạch hợp vệ sinh đạt 95%.

III. Phạm vi và đối tượng

1. Kế hoạch này được triển khai thực hiện tại các đô thị, các khu, cụm công nghiệp và các khu dân cư nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng là các hệ thống cấp nước tập trung và phi tập trung.

IV. Giải pháp thực hiện

1. Xây dựng, hoàn thiện các cơ chế chính sách về đảm bảo cấp nước an toàn:

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về đảm bảo cấp nước an toàn, thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Xây dựng và ban hành quy định về điều kiện năng lực của các tổ chức, cá nhân tham gia vào đầu tư và vận hành hệ thống cấp nước.

2. Quy hoạch, đầu tư phát triển và quản lý vận hành hệ thống cấp nước:

a) Tổ chức lập, rà soát, điều chỉnh quy hoạch chuyên ngành cấp nước vùng tỉnh; trong đó, bổ sung các nội dung liên quan đến biến đổi khí hậu và bảo đảm cấp nước an toàn.

b) Tổ chức thực hiện thỏa thuận dịch vụ cấp nước nhằm nâng cao trách nhiệm đầu tư, phát triển cấp nước và thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn.

c) Phát triển cấp nước đô thị kết hợp cấp nước cho khu dân cư nông thôn tập trung và khu công nghiệp trên địa bàn.

d) Đầu tư xây dựng đồng bộ các hạng mục công trình từ nguồn nước, xử lý nước đến mạng lưới đường ống cấp nước với các trang thiết bị tiên tiến, áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giám sát hoạt động công trình; từng bước đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa, tự động hóa hệ thống cấp nước và bảo đảm cấp nước an toàn.

đ) Thúc đẩy triển khai đầu tư xây dựng các dự án cấp nước theo hình thức đối tác - công tư (PPP) và các hình thức đầu tư khác phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh.

e) Tập trung đầu tư mở rộng và cải tạo mạng đường ống cấp nước tăng tỷ lệ bao phủ và nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước; ưu tiên đầu tư các dự án bảo đảm cấp nước an toàn và chống thất thoát nước sạch.

g) Khuyến khích sử dụng vật tư, thiết bị có chất lượng cao được sản xuất trong nước khi đầu tư xây dựng và cải tạo công trình cấp nước.

3. Quản lý, sử dụng nguồn nước thích ứng với biến đổi khí hậu:

a) Triển khai có hiệu quả quy hoạch tài nguyên nước; tăng cường công tác quản lý, giám sát, bảo vệ nguồn nước; kiểm soát chặt chẽ việc thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của Luật tài nguyên nước.

b) Xây dựng hệ thống hồ trữ nước mưa, nước mặt có tính đến biến đổi khí hậu; lập kế hoạch khai thác, sử dụng hồ trữ nước đa mục đích, ưu tiên cho khai thác cung cấp nước sinh hoạt.

c) Nghiên cứu các giải pháp bổ cập nước ngầm hướng tới tạo nguồn nước dự phòng chiến lược trong trường hợp xảy ra các sự cố về nguồn nước mặt, hệ thống cấp nước và biến đổi khí hậu; các công trình khai thác dưới đất phải được thăm dò, đánh giá trữ lượng và cấp giấy phép khai thác sử dụng tài nguyên nước trước khi quyết định việc đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật tài nguyên nước.

d) Thiết lập hệ thống kiểm soát, cảnh báo chất lượng, trữ lượng nguồn nước; nghiên cứu giải pháp dự phòng nguồn nước bảo đảm an toàn nguồn nước cho các nhà máy nước.

4. Nghiên cứu và phát triển công nghệ, vật tư, thiết bị lĩnh vực cấp nước:

Ứng dụng công nghệ thông tin, thiết bị thông minh trong quản lý, vận hành hệ thống cấp nước; lựa chọn công nghệ và thiết bị tiên tiến, có chế độ tự động hóa cao, tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước, thân thiện môi trường và bảo đảm cấp nước an toàn.

5. Truyền thông, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:

a) Xây dựng chương trình giảng dạy bậc phổ thông các kiến thức cơ bản về bảo vệ nguồn nước, sử dụng nước sạch tiết kiệm và bảo vệ môi trường; tổ chức tham quan, tìm hiểu về hệ thống sản xuất, cung cấp nước sạch cho học sinh, sinh viên.

b) Đẩy mạnh công tác truyền thông về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của nước sạch đối với cuộc sống con người; trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ nguồn nước, hệ thống cấp nước cũng như việc sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; hạn chế tối đa các hoạt động gây ô nhiễm nguồn nước.

c) Đào tạo, nâng cao chất lượng và số lượng kỹ sư chuyên ngành cấp thoát nước, công nhân ngành nước bậc cao đảm nhận quản lý, vận hành và bảo dưỡng hệ thống cấp nước tại các cơ sở đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển ngành cấp nước tại địa bàn tỉnh.

d) Tăng cường hợp tác, trao đổi kinh nghiệm trong lĩnh vực cấp nước về khoa học công nghệ, quản lý thông minh, bảo vệ nguồn nước lồng ghép biến đổi khí hậu với các đơn vị trong và ngoài nước.

6. Tổ chức quản lý lĩnh vực cấp nước:

a) Xây dựng và từng bước hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành cấp nước; quy định về cung cấp, chia sẻ và sử dụng thông tin, cơ sở dữ liệu cấp nước.

b) Xác định, phân tích và đánh giá mức độ các nguy cơ, rủi ro đối với hệ thống cấp nước về nguồn nước, lưu vực, công nghệ hệ thống cấp nước...

c) Lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá chất lượng nước cấp tại bể chứa và phân phối theo quy định của Thông tư 50/2015/TT-BYT ngày 11/12/2015 của Bộ Y Tế và QCVN 01:2009/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống.

d) Xây dựng các tiêu chí, các chỉ số giám sát và giới hạn kiểm soát để đánh giá việc triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng dịch vụ cấp nước theo quy định tại Nghị định 117/2007/NĐ-CP của Chính Phủ, Thông tư 01/2008/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

e) Quản lý cơ sở dữ liệu có liên quan về cấp nước an toàn, bao gồm: Lập danh mục các văn bản, tài liệu và các thông tin liên quan đến công tác cấp nước an toàn; xây dựng hệ thống và quy trình kiểm soát tài liệu; Lập hệ thống quản lý hồ sơ và hỗ trợ lưu giữ hồ sơ.

f) Xây dựng kế hoạch đánh giá kết quả thực hiện cấp nước an toàn; đề xuất, kiến nghị điều chỉnh kế hoạch cấp nước an toàn cho giai đoạn tiếp theo.

B. VỀ CHỐNG THẮT THOÁT, THẮT THU NƯỚC SẠCH

I. Mục tiêu tổng quát

1. Nước sạch là một loại sản phẩm, hàng hóa đặc biệt, phục vụ nhu cầu thiết yếu của cuộc sống con người và phát triển kinh tế - xã hội. Chống thất thoát, thất thu nước sạch và cấp nước an toàn góp phần tiết kiệm tài nguyên nước, bảo vệ môi trường, hướng tới phát triển bền vững là một xu thế tất yếu. Theo đó, xác định rõ những nguyên nhân là tác nhân gây thất thoát, thất thu nước sạch; đồng thời, đề xuất các giải pháp, hoạt động chủ yếu để đạt được mục tiêu.

2. Công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về cấp nước an toàn, chống thất thoát thất thu nước sạch cũng cần được chú trọng và đẩy mạnh. Các hoạt động của Chương trình, những tiến bộ khoa học công nghệ, các dự án, giải pháp mới, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan... phải được thường xuyên cập nhật.

II. Mục tiêu cụ thể và các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2020

Giai đoạn từ nay đến năm 2020, cần huy động và tập trung các nguồn lực cho hoạt động chống thất thoát, thất thu nước sạch, giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch bình quân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang bình quân xuống dưới 18%, mục tiêu cụ thể cho từng năm như sau:

a) Đối với các hệ thống cấp nước do Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang quản lý:

- Năm 2018, giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch bình quân 20%.
- Năm 2019, giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch bình quân 19%.
- Năm 2020, giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch bình quân dưới 18%.

b) Đối với các hệ thống cấp nước của các công trình nước sạch nông thôn:

- Năm 2018, giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch bình quân 23%.
- Năm 2019, giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch bình quân 22%.
- Năm 2020, giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch bình quân dưới 21%.

c) Đối với các hệ thống cấp nước đang và sẽ đầu tư xây dựng đến năm 2020 tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch phần đầu dưới 18%.

III. Phạm vi và đối tượng

1. Kế hoạch này được triển khai thực hiện tại các đô thị, các khu công nghiệp và các khu dân cư nông thôn tập trung trên phạm vi cả tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng là các hệ thống cấp nước tập trung và phi tập trung.

IV. Giải pháp thực hiện

1. Các nguyên nhân chính gây thất thoát, thất thu nước sạch:

a) Nguyên nhân khách quan:

- Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ, hành lang bảo vệ các tuyến ống và các hệ thống cây xanh, cơ sở hạ tầng khác trên đường phố chằng chéo, giao cắt lẫn nhau gây khó khăn cho công tác quản lý, duy tu bảo dưỡng hệ thống.

- Hệ thống cấp nước (HTCN) tại khu vực nông thôn phân tán trên diện rộng gây khó khăn trong công tác dò tìm điểm chảy và duy tu bảo dưỡng...

b) Nguyên nhân chủ quan:

- HTCN được phát triển qua nhiều thời kỳ, gồm nhiều loại ống, phụ kiện không đồng đều.

- Đa số điểm chảy xảy ra trên các đường ống dịch vụ do thường bị ảnh hưởng bởi công tác thi công các công trình mới.

- Một số HTCN tiếp nhận từ các dự án khác được thiết kế, thi công không đảm bảo kỹ thuật, chất lượng.

- Nguồn nhân lực, tài chính phục vụ công tác chống thất thoát còn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế.

2. Các giải pháp, hoạt động:

a) Giảm thất thoát từ các nguyên nhân quản lý:

- Xây dựng và triển khai thực hiện các biện pháp chống thất thoát, thất thu nước sạch theo Kế hoạch cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch được phê duyệt.

- Thực hiện tốt việc quản lý, kiểm soát các mạng lưới dùng nước, có dịch vụ chăm sóc khách hàng, chống đầu nối trái phép.

- Đầu tư lắp đặt hệ thống tự động để điều khiển, kiểm soát số liệu, tự động điều chỉnh áp lực, lưu lượng nước cấp trên mạng lưới thông qua hệ thống biến tần được lập trình tự động lắp đặt tại trạm bơm cấp II và trạm tăng áp; đảm bảo áp lực làm việc thích hợp cho mạng lưới, giảm thiểu các sự cố xì, vỡ ống, giảm tỷ lệ thất thoát nước.

- Xây dựng cơ chế khoán cho từng đơn vị trong công tác chống thất thoát và tỷ lệ được hưởng khi giảm được thất thoát, thất thu nước.

- Quản lý và giám sát chặt chẽ hệ thống tính tiền đảm bảo chuẩn xác; đọc đồng hồ không bị sai lệch; thu tiền đầy đủ; xác định được khối lượng nước khi sử dụng cho các mục đích công ích như: tưới cây, rửa đường, chữa cháy, súc rửa đường ống hợp lý và tiết kiệm; đặc biệt là các sự cố vỡ ống, hư hỏng cần được xử lý kịp thời.

- Tăng cường năng lực quản lý, trách nhiệm quản lý gắn liền với tuyên truyền vận động giáo dục cho cộng đồng. Nâng cao vai trò trách nhiệm của chính quyền các cấp đối với công tác phát triển cấp nước, sử dụng nước và bảo vệ hệ thống cấp nước, nguồn nước. Phối hợp tổ chức triển khai hoạt động cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch để sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên nước trên địa bàn.

b) Giảm thất thoát do nguyên nhân kỹ thuật:

- Tiến hành phân vùng tách mạng nhằm kiểm soát tốt nhất mạng lưới đường ống và các hộ tiêu thụ, lắp đặt đủ đồng hồ lưu lượng, đạt tiêu chuẩn và kiểm tra định kỳ...

- Thay thế, sửa chữa các ống bị hỏng, bị rò rỉ nước, lắp đặt ống mới và thiết bị cho đồng bộ kỹ thuật trên mạng lưới.

- Đầu tư trang thiết bị phát hiện rò rỉ, thiết bị máy móc và nhân lực phục vụ cho công tác kiểm tra, sửa chữa.

- Giám sát chặt chẽ công tác thi công, lắp đặt, sửa chữa đảm bảo đúng hồ sơ thiết kế kỹ thuật.

- Lựa chọn chủng loại, vật tư thiết bị chuyên ngành phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng khu vực trong địa bàn tỉnh và phù hợp với điều kiện tài chính của các đơn vị cấp nước.

c) Chống thất thoát cho các mạng lưới đường ống của tương lai:

Để giảm được tỷ lệ thất thoát chung theo mục tiêu đến năm 2020 sẽ không chỉ tiến hành chống thất thoát ở trên các mạng lưới đường ống đã được xây dựng và đang tồn tại, mà còn phải bắt đầu chống thất thoát ngay ở các tuyến ống đang được xây dựng hoặc sẽ đầu tư xây dựng trong tương lai. Các đơn vị cấp nước cần quan tâm ngay đến việc này từ trong quá trình lập dự án, quá trình thiết kế, thi công, nghiệm thu và vận hành. Yêu cầu, các đơn vị khi thiết kế phải tuân thủ các quy định của Quy chuẩn, Tiêu chuẩn kỹ thuật, chủ động phân vùng tách mạng, lắp đặt đủ van khóa, thiết bị... để đảm bảo việc kiểm soát, giảm thất thoát và cấp nước an toàn.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Xây dựng:

- Thực hiện nhiệm vụ Thường trực của Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh (gọi tắt là Ban chỉ đạo); giúp Ban chỉ đạo cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá tổng hợp công tác triển khai kế hoạch cấp nước an toàn và chống thất thoát thất thu nước sạch do các đơn vị cấp nước tại các đô thị thực hiện.

- Hướng dẫn các đơn vị cấp nước xây dựng và triển khai kế hoạch về cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch.

- Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện cấp nước an toàn chống thất thoát, thất thu nước sạch của các đơn vị sản xuất và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt và duy trì kế hoạch cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch.

- Chủ trì kiểm tra định kỳ và đột xuất tình hình triển khai kế hoạch cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch của các đơn vị sản xuất và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn; đánh giá, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, giám sát, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện các chương trình, dự án cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt và duy trì kế hoạch cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch.

- Vận động thu hút nguồn vốn cho các hoạt động thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch.

3. Sở Tài chính: Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực tài chính - ngân sách; đồng thời triển khai thực hiện kế hoạch đúng theo quy định.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Quản lý chặt chẽ việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả thải trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo hướng tiết kiệm, hiệu quả, bền vững, tổng hợp và đa mục tiêu.

- Chủ trì phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan liên quan kiểm tra, thanh tra các hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước của các tổ chức, cá nhân nhằm bảo vệ nguồn nước, phòng ngừa các nguy cơ gây suy giảm, cạn kiệt và ô nhiễm nguồn nước. Phối hợp chỉ đạo việc khắc phục, xử lý kịp thời các sự cố, các vi phạm gây ô nhiễm các nguồn nước phục vụ công trình cấp nước trên địa bàn tỉnh.

- Quản lý việc sử dụng đất cho việc xây dựng các công trình phục vụ cho kế hoạch cấp nước an toàn.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Hướng dẫn, giám sát, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện sử dụng và kế hoạch khai thác nguồn nước mặt đảm bảo an toàn.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, thanh tra các hoạt động gây ô nhiễm nguồn nước mặt.

- Xây dựng và chỉ đạo tổ chức thực hiện kế hoạch liên quan đảm bảo nguồn nước, nâng cao chất lượng các công trình cấp nước, rà soát đánh giá mạng lưới cấp nước cấp nước an toàn liên quan đảm bảo nguồn nước mặt.

- Quản lý và trực tiếp chỉ đạo Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch trên địa bàn do Trung tâm quản lý.

6. Sở Y tế:

- Hướng dẫn, giám sát, kiểm tra đánh giá chất lượng nước ăn uống và chất lượng nguồn nước khai thác.

- Chỉ đạo Trung tâm Y tế dự phòng trực tiếp giám sát, kiểm tra đánh giá chất lượng nước ăn uống, chất lượng nguồn nước khai thác.

7. Công an tỉnh:

- Giám sát, kiểm tra và xử lý các hoạt động trái quy định vi phạm đến hoạt động cấp nước.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thanh kiểm tra các hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả thải vào nguồn nước.

- Kiểm tra và xử lý các tổ chức, cá nhân có hành vi xâm hại và phá hoại

hệ thống cấp nước.

- Chỉ đạo trực tiếp lực lượng Cảnh sát môi trường thanh kiểm tra và xử lý vi phạm các hoạt động gây ô nhiễm nguồn nước.

8. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chủ động tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm và an toàn; chống thất thoát, thất thu nước sạch.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức xây dựng các chương trình, phóng sự trên báo chí, truyền hình, phát thanh tuyên truyền, phổ biến nội dung cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch.

9. Ban quản lý khu công nghiệp tỉnh:

- Hướng dẫn, giám sát, kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch trong các khu công nghiệp.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong khu công nghiệp sử dụng nước an toàn và tiết kiệm; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát xử lý việc xả thải ra môi trường của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong khu công nghiệp nhằm bảo vệ nguồn nước.

10. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

- Tổ chức tuyên truyền về cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch trên địa bàn quản lý.

- Phối hợp với các ngành chức năng liên quan theo dõi, giám sát các cơ sở, đơn vị cấp nước triển khai cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch trên địa bàn.

- Theo dõi, rà soát các quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch các khu công nghiệp, cụm công nghiệp để triển khai khắc phục các hình thức xả thải gây ô nhiễm, ảnh hưởng đến nguồn cấp nước.

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện việc kiểm tra, xử lý hoạt động vi phạm về môi trường nhằm bảo vệ nguồn nước; xử lý các hành vi lấn chiếm hành lang bảo vệ nguồn nước và hành lang bảo vệ hệ thống ống cấp nước và các trường hợp phá hoại công trình cấp nước trên địa bàn quản lý.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tuyên truyền, vận động người dân tích cực bảo vệ nguồn nước; sử dụng nước tiết kiệm. Tích cực tham gia giám sát cộng đồng về cấp nước an toàn và hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả thải vào nguồn nước của các tổ chức, cá nhân tại địa phương; trường hợp phát hiện hành vi vi phạm, phải báo ngay cho chính quyền sở tại để kịp thời ngăn chặn, khắc phục.

- Phối hợp với các đơn vị cấp nước và các cơ quan liên quan khắc phục các sự cố về cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch trên địa bàn quản lý.

11. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan:

a) Các đơn vị cấp nước:

- Lập kế hoạch cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch của hệ thống cấp nước do đơn vị mình quản lý gửi Sở Xây dựng thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch theo đúng lộ trình và nhiệm vụ đã được phê duyệt.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan đánh giá các tác động ảnh hưởng đến trữ lượng, chất lượng nguồn nước, đề xuất các biện pháp khai thác có hiệu quả, quản lý các nguồn gây ô nhiễm nhằm bảo vệ và duy trì trữ lượng, chất lượng nguồn nước, kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp làm ô nhiễm nguồn nước, thông báo kịp thời tình hình chất lượng nước cấp trên các thông tin đại chúng.

- Xác định ranh giới, lắp đặt biển báo, tổ chức bảo vệ an toàn khu vực thu nước, hệ thống cấp nước; phát hiện và ngăn chặn kịp thời, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi xâm phạm, gây mất an toàn cho hoạt động cấp nước trên địa bàn do mình quản lý.

- Giải quyết và xử lý các sự cố, khôi phục và cung cấp ổn định cho khách hàng sau sự cố thuộc hệ thống sản xuất và cung cấp nước do đơn vị mình quản lý.

- Đề xuất lựa chọn các nguồn nước khai thác lâu dài, dự phòng và công nghệ xử lý phù hợp theo từng giai đoạn nhằm đảm bảo cung cấp dịch vụ cấp nước đạt chất lượng và hiệu quả.

- Lập bộ phận cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch của đơn vị để xây dựng và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn. Đội ngũ cán bộ bộ phận cấp nước an toàn của đơn vị phải có kinh nghiệm về chuyên môn và quản lý vận hành hệ thống cấp nước.

- Tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ nguồn nước, sử dụng nước sạch tiết kiệm và an toàn.

- Thường xuyên rà soát, đánh giá kế hoạch cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch để điều chỉnh cho phù hợp, báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

- Báo cáo định kỳ tình hình triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch đến Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh.

b) Trách nhiệm của cộng đồng:

Cộng đồng dân cư, hộ gia đình, các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ nguồn nước, bảo vệ hệ thống cấp nước, bảo vệ môi trường, sử dụng nước tiết kiệm; giám sát, kiểm tra chất lượng nước; phát hiện và thông báo, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm nhằm đảm bảo thực hiện hiệu quả Kế hoạch cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch.

VI. Tổ chức thực hiện

Căn cứ nội dung Kế hoạch này, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố Tuyên Quang; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan đơn vị chịu sự điều chỉnh của Kế hoạch này tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo phân công trên đây. Trong quá trình triển khai, thực hiện Kế hoạch, nếu có khó khăn vướng mắc, các đơn vị có trách nhiệm phản ánh về Sở Xây dựng - cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn tỉnh, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để kịp thời được hướng dẫn, điều chỉnh cho phù hợp./.

Nơi nhận: *l*

- Bộ Xây dựng;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố Tuyên Quang;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, XD, TL, TH.

Báo
cáo

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Thục
Trần Ngọc Thục

